

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu 11.HB.26: Thi công hạng mục Sửa chữa vỉa hè, đường nội bộ và mặt bằng xung quanh nhà ĐKTT - Trạm biến áp 220kV Xuân Mai.

- Giá gói thầu: 923.665.343 VND (Đã bao gồm VAT)

- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

1. Phạm vi công việc của gói thầu. (Theo Mẫu số 01A chương IV E-HSMT)

Giải pháp kỹ thuật

- Thay thế gạch lát nền vỉa hè mới.

- Thay thế hệ thống bó vỉa mới sau khi sửa chữa vỉa hè trạm

- Phá dỡ xây dựng bồn cây mới để phù hợp với kích thước của cây hiện tại.

- Những công việc mang tính chất phục vụ cho gói thầu (Công trình tạm thi công, đường tạm thi công (kể cả các khoản lệ phí nếu có), mặt bằng tập kết vật liệu; kho bãi, lán trại tạm, huy động máy bơm và bơm nước phục vụ thi công, các khoản phí liên quan đến công tác đảm bảo cho công tác thi công của Nhà thầu, chi phí bồi thường cây cối hoa màu trên đất mượn thi công..., vận chuyển vật tư vật liệu, vận chuyển đất thải, dụng cụ trang thiết bị thi công, chuyển quân đến công trường, vận chuyển vật tư thu hồi về kho của truyền tải điện (nếu có), hoàn thiện hoặc hoàn trả (trong trường hợp nhà thầu thi công làm hỏng) mặt bằng, ...) thì được hiểu là Nhà thầu phải thực hiện và chi phí đã nằm trong giá dự thầu.

- Đối với các hạng mục có số lượng chào theo “lô” như mô tả ở Mẫu số 1A: Trên cơ sở các bản vẽ tham khảo, Nhà thầu phải tính toán khối lượng phù hợp để dự thầu và được hiểu là Nhà thầu đã biết công việc này. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ nội dung công việc này mà không được tăng giá thầu.

- Bảng giá dự thầu theo webform có đơn giá đã bao gồm thuế phí các loại, tuy nhiên không thể hiện được tỷ lệ % thuế VAT. Do đó trong E-HSDT, đề nghị các nhà thầu chào thuế VAT 10% (trường hợp trong E-HSDT không khẳng định chi tiết tỷ lệ thuế VAT cũng được xem như nhà thầu chào thuế VAT 10%).

- Thuế VAT trong dự toán gói thầu duyệt là 10%. Việc đánh giá xếp hạng các E-HSDT và so sánh với dự toán gói thầu sẽ được tính theo mặt bằng thuế VAT 10%.

- Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc tại thời điểm xuất hoá đơn mà thuế VAT khác 10% thì hai bên sẽ điều chỉnh thuế VAT theo quy định hiện hành của nhà nước trên cơ sở giá trước thuế (là giá dự thầu trong E-HSDT không bao gồm thuế VAT 10%).

II. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

Trong quá trình thi công, ngoài các điều kiện kỹ thuật đã nêu trong hồ sơ hồ sơ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật, nhà thầu cần tuân theo các TCVN hiện hành liên quan

a. Tiêu chuẩn vật liệu và cấu kiện xây dựng

TCVN 2682: 2020 Xi măng Pooc lăng

TCVN 6260:2020 Xi măng Pooc lăng hỗn hợp

TCVN 7570: 2006 Cốt liệu cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật

TCVN 4506 : 2012 Nước cho bê tông và vữa. Yêu cầu kỹ thuật

b. Tiêu chuẩn an toàn trong thi công xây dựng

TCVN 3153:1979 Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động – các khái niệm cơ bản - thuật ngữ và định nghĩa.

959/QĐ-EVN Quy trình an toàn điện

c. Tiêu chuẩn thi công nghiệm thu các công tác xây dựng và kết cấu

TCVN 9361: 2012 Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu

TCVN 4085: 2011 Kết cấu gạch đá. Quy phạm thi công và nghiệm thu.

TCVN 4447: 2012 Công tác đất – Thi công và nghiệm thu

TCVN 9377:2012 Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu

TCVN 4453: 1995 Kết cấu BT và BTCT toàn khối. Quy phạm thi công và nghiệm thu

TCVN 5674: 1992 Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu

e. Tiêu chuẩn máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công

TCVN 4087: 2012 Sử dụng máy xây dựng. Yêu cầu chung

TCVN 6052:1995 Dàn giáo thép

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công cho công trình

- Điều kiện thi công : Trong Trạm biến áp 220kV Xuân Mai.

2.1. Yêu cầu công tác chuẩn bị trước khi thi công

- Trước khi thi công Nhà thầu phải nghiên cứu kỹ Hồ sơ khảo sát - thiết kế, nắm vững yêu cầu của phương án, xem xét toàn bộ và chi tiết hệ bản vẽ thi công, chi tiết cấu tạo và các hệ thống kỹ thuật. Từ đó lựa chọn công nghệ xây dựng thích

hợp để nâng cao hiệu quả công tác thi công xây lắp đạt chất lượng, tiến độ, an toàn và kinh tế.

- Trong quá trình nghiên cứu Hồ sơ thiết kế, nếu thấy có sự bất hợp lý về mặt kết cấu, ...nhà thầu tập hợp và gửi ý kiến phản hồi cho Chủ đầu tư hoặc có thể đề xuất phương án giải quyết.

a. Công tác chuẩn bị

Trước khi khởi công công trình, Nhà thầu phải triển khai ngay các công việc cụ thể sau:

- Lập phương án thi công và biện pháp an toàn trình Chủ đầu tư phê duyệt.
- Có phương án sử dụng điện, nước phục thi công trình Chủ đầu tư chấp thuận

- Đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương trên địa bàn thi công nhằm đảm bảo trật tự, an ninh trong thời gian thi công.

- Công trường phải có bảo vệ trực 24h/24h trong suốt thời gian thi công, đảm bảo trật tự, an ninh trong và ngoài công trường.

- Nhà thầu phải đăng ký danh sách công nhân, kỹ thuật thi công tại công trường với đơn vị quản lý vận hành. Công nhân phải có thẻ an toàn điện. Trước khi tiến hành thi công phải được đơn vị quản lý hướng dẫn về an toàn khi làm việc trong Trạm.

- Các biển báo khẩu hiệu an toàn, nội quy công trường phải theo quy định chung về an toàn lao động.

- Tất cả vật tư, thiết bị đều được bảo quản trong kho, đảm bảo không ảnh hưởng xấu đến chất lượng vật tư trong quá trình lưu trữ.

- Thống nhất với đơn vị quản lý vận hành bố trí kho bãi tập kết, bảo quản vật tư.

d. Vệ sinh môi trường:

- Vệ sinh: Nhà thầu có biện pháp bảo đảm vệ sinh trong và ngoài khu vực thi công. Không làm ảnh hưởng đến an toàn vận hành cho các thiết bị bên cạnh

- Xử lý nước thải và chất thải ô nhiễm môi trường: Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp hợp lý để giảm thiểu về các chất bẩn, ô nhiễm nguồn nước và không thích hợp, có ảnh hưởng xấu đến cộng đồng và đảm bảo việc xử lý nước thải theo đúng quy định của Trạm và có phương án xử lý nước thải từ các lán trại và văn phòng của mình cũng như tất cả các loại chất thải lỏng và chất thải rắn.

e. Bố trí tổng mặt bằng thi công:

- Mặt bằng thi công: Nhà thầu phải tự làm hàng rào ngăn cách khu vực trong và ngoài công trường theo đúng quy định của CĐT và phải có các biển báo để nhận biết khu vực đang thi công.

- Mặt bằng bố trí thiết bị: Yêu cầu nhà thầu lập tổng mặt bằng bố trí thiết bị thi công phù hợp với đặc điểm hiện trạng và giải pháp thiết kế.

- Kho bãi tập kết vật tư vật liệu: Nhà thầu phải khảo sát hiện trường, làm việc với các cơ quan chức năng để bố trí điểm tập kết vật liệu cũng như tập kết phế thải, đảm bảo không làm ảnh hưởng an toàn vận hành đường dây.

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà thầu phải bố trí nhà vệ sinh, bố trí thùng rác, tránh tình trạng vứt rác bừa bãi ra môi trường xung quanh.

- + Nhà thầu có trách nhiệm sửa chữa và bảo dưỡng các đường giao thông phục vụ quá trình thi công. Sau khi kết thúc thi công cần phải khôi phục hoàn trả lại theo hiện trạng ban đầu.

- + Nhà thầu có trách nhiệm dọn dẹp hoàn trả mặt bằng, tháo bỏ các công trình tạm, sau khi kết thúc công trình.

2.2. Tổ chức công trường

Nhà thầu phải trình sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý thi công ban chỉ huy công trường.

- Cán bộ công nhân viên tham gia thi công công trình thực hiện nghiêm chỉnh nội quy, quy định của công trường nhất là an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.

2.3. Chuẩn bị thiết bị, vật tư và nhân lực:

a. Chuẩn bị các vật tư chủ yếu:

Tất cả các vật tư đưa vào công trường đều được kiểm tra chất lượng và có chứng chỉ chất lượng do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ngoài ra trong suốt quá trình thi công định kỳ lấy mẫu vật liệu theo quy định gửi đến các cơ quan quản lý chất lượng nhà nước để giám định chất lượng. Các kết quả thí nghiệm đều được lưu vào hồ sơ thi công.

- Vật tư đưa vào sử dụng phải có nguồn gốc rõ ràng và không được cũ hỏng

b. Chuẩn bị về nhân lực:

- Nhà thầu phải bố trí cán bộ, kỹ sư giỏi, đủ kinh nghiệm, công nhân có tay nghề cao, có ý thức trách nhiệm kỷ luật tốt.

- Nhà thầu phải gửi danh sách cán bộ Ban chỉ huy công trường và số lượng công nhân sẽ làm việc tại công trình và phải thông báo mọi sự thay đổi nhân sự cho Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát

c. Chuẩn bị về thiết bị:

- Nhà thầu phải chủ động chuẩn bị về phương tiện thi công và phương tiện vận chuyển

- Trên cơ sở hồ sơ thiết kế, báo cáo khảo sát, nhà thầu tự lựa chủng loại và số lượng máy móc phương tiện phục vụ thi công đáp ứng yêu cầu của thiết kế và phù hợp với điều kiện hiện trạng, đảm bảo không ảnh hưởng đến an toàn vận hành đường dây. Số lượng máy móc, phương tiện đảm bảo tiến độ được lập có tính đến dự phòng trong quá trình thi công.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các vật tư, thiết bị phục vụ công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

2.4. Thời gian và tiến độ.

a. Khởi công và hoàn thành:

- Thời gian khởi công và hoàn thành: Theo hợp đồng.
- Trường hợp gặp trở ngại bất khả kháng không thể khởi công công trình được theo hạn quy định thì thời gian đình trệ chỉ được ghi nhận khi Nhà thầu thông báo cho chủ đầu tư và phải được chủ đầu tư chấp nhận.

b. Thời gian làm việc: Được quy định theo hợp đồng

c. Tiến độ thi công

- Nhà thầu phải lập bảng tiến độ thi công phải thể hiện:
 - + Tiến độ thi công thể hiện trên sơ đồ ngang
 - + Trình tự thực hiện công việc thi công tại công trường (thời điểm bắt đầu và kết thúc công việc)

3. Một số quy định về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị:

3.1. Quy định chung:

- Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tiêu chuẩn của sản phẩm do nhà sản xuất phát hành hoặc các tài liệu do các cơ quan chức năng cấp theo quy định hiện hành của pháp luật cho các loại vật liệu, vật tư: xi măng, cát, đá, bê tông, ống nhựa PVC, (Catalog, chứng chỉ chất lượng, công bố tiêu chuẩn sản phẩm, kết quả thí nghiệm,...) đáp ứng yêu cầu của hồ sơ thiết kế

- Chủng loại và số lượng máy móc phương tiện phục vụ thi công (đào đất, phá dỡ, thi công BTCT toàn khối,..) phải đáp ứng được yêu cầu thiết kế, báo cáo khảo sát và phù hợp với đặc điểm hiện trạng thi công. Thiết bị thi công phải được kiểm định đầy đủ theo quy định và tuân thủ theo tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu.

- Nhà sản xuất và sản phẩm phải được đăng ký thương hiệu, được cấp chứng chỉ quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO; phải tuân thủ các tiêu chuẩn Việt Nam quy định.

- Trong trường hợp tại thời điểm thi công, thị trường không có loại sản phẩm đã đề xuất và tính giá trong HSDT, Nhà thầu chỉ được thay đổi sản phẩm khi được Chủ đầu tư phê duyệt, chấp thuận;

3.2. Quy định cụ thể về vật liệu/thiết bị chính:

- Nhà thầu phải tuân thủ các tiêu chí vật tư và tiêu chí kỹ thuật này.
- Mọi vật liệu xây dựng và các trang thiết bị sử dụng trong Công trình đều phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo các Tiêu chuẩn hiện hành của Việt nam.
- Trước khi thiết bị tập kết về công trường chuẩn bị thi công nhà thầu phải trình Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát đầy đủ các tài liệu sau :
 - + Danh sách thiết bị, máy thi công đưa vào sử dụng trong công trình.

+ Các thông số và tình trạng kỹ thuật của mỗi thiết bị, máy thi công (catalog và chứng chỉ kiểm định an toàn của các thiết bị, máy thi công).

+ Chứng chỉ kiểm định an toàn của từng loại thiết bị, máy thi công sẽ được sử dụng như trong biện pháp thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu của hồ sơ thiết kế và HSMT. Trước khi đưa vào công trình Nhà thầu phải thực hiện các bước sau:

+ Gửi mẫu cho TVGS phê duyệt.

+ Thực hiện đúng chỉ dẫn sử dụng của Nhà sản xuất.

+ Thực hiện các yêu cầu kiểm nghiệm liên quan đến chất lượng vật tư thiết bị hay các bộ phận công trình khi Chủ đầu tư yêu cầu.

+ Tất cả các trang thiết bị và nguyên vật liệu khi đưa vào sử dụng trong công trình phải được sự đồng ý của tư vấn giám sát và Chủ đầu tư bằng biên bản chính thức. Nhà thầu khi thay thế một loại vật liệu hoặc thiết bị nào phải trình nguyên nhân thay đổi, cung cấp hàng mẫu, nguồn gốc sản xuất, chứng chỉ chất lượng và phải được Chủ đầu tư chấp thuận trước khi đưa vào sử dụng.

- Các loại vật tư phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và qui định, có chứng chỉ vật liệu và phải được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát đồng ý trước khi đưa vào sử dụng.

- Phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn qui định về chất lượng của Nhà sản xuất.

- Nghiêm cấm nhà thầu đưa các hàng hoá kém chất lượng, nhái mẫu mã của các hãng không rõ tên tuổi, xuất xứ. Trong mọi trường hợp phát hiện các loại vật tư không đạt yêu cầu thì Chủ đầu tư, tư vấn giám sát do Chủ đầu tư chỉ định có quyền yêu cầu thay thế. Mọi phí tổn do nhà thầu chịu.

- Chi phí thí nghiệm được tính vào trong giá dự thầu công trình.

- Chứng chỉ của các thí nghiệm vật liệu phải do các tổ chức có tư cách pháp nhân cấp, trường hợp cần thiết phải do chủ đầu tư chỉ định đơn vị thí nghiệm.

3.2.1 VẬT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA

3.2.1.1 Xi măng

- Có thể dùng xi măng Poóc lăng theo TCVN 2682: 2020 hoặc xi măng Poóc lăng hỗn hợp TCVN 6260: 2020 cung cấp từ các nhà máy xi măng có uy tín trên thị trường Việt Nam về tận công trình;

- Thí nghiệm kiểm tra tuân thủ tiêu chuẩn TCVN 4787: 2009;

- Xi măng dùng để thi công phải phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn TCVN;

- Nhà thầu phải có biện pháp bảo quản xi măng khỏi ẩm. Nghiêm cấm sử dụng xi măng đã bị vón cục. Đối với các kết cấu bê tông chịu lực không được sử dụng xi măng tận dụng của các bao đã sử dụng hoặc bị thải.

3.2.1.2 Bê tông bỏ vữa đúc sẵn

- Quy cách theo phương án kỹ thuật
- Bê tông được sản xuất tại nhà máy, bê tông mác 250
- Có kết quả thí nghiệm và chứng chỉ chất lượng xuất xưởng.

3.2.1.3 Gạch xây

- Sử dụng không nung mác ≥ 75 phải tuân thủ tiêu chuẩn TCVN 6477: 2016;
- Gạch xây đặc và gạch đặc mác theo chỉ định trong HS thiết kế, nếu không chỉ định trong HS thiết kế thì mác định gạch đặc là M75.
- Gạch phải được xếp loại I theo quy định của nhà sản xuất và sản xuất bằng dây chuyền tự động hoặc bán tự động, không chấp nhận gạch thủ công

3.2.1.4 Nước

- Nước dùng cho công trình phải sạch không có các tạp chất hay chất gây hại, đáp ứng TCVN 4506 : 2012
- Nước dùng để trộn và bảo dưỡng phải đảm bảo các yêu cầu của TCVN;
- Đơn vị xây lắp phải tuân theo các phê duyệt của Kỹ sư Chủ đầu tư về nguồn nước dùng cho sản xuất và phải tiến hành các thí nghiệm cần thiết theo yêu cầu;
- Nước phải được kiểm tra thường xuyên trong quá trình sử dụng. Khi thay đổi nguồn cấp nước Đơn vị xây lắp phải đệ trình các tài liệu thí nghiệm chứng tỏ nguồn nước mới thoả mãn các yêu cầu kỹ thuật và chỉ được sử dụng khi có phê duyệt của Kỹ sư Chủ đầu tư.

3.2.1.5 Cát xây dựng

a. Quy định chung

- Tuân theo tiêu chuẩn TCVN 7570:2006. Cát phải sạch sẽ không được vượt quá 3% hàm lượng sét hoặc á sét. Hàm lượng muối gốc Sunfat, sunfit tính ra $SO_3 \leq 1\%$;
- Cát trong xây dựng là loại được kỹ sư chấp nhận. Cát lấy từ các nguồn cung cấp khác nhau không được trộn lẫn với nhau hoặc lưu kho với các cốt liệu khác tương tự.

- Thí nghiệm kiểm tra tuân thủ tiêu chuẩn TCVN 7572:2006

b. Cát trong hỗn hợp bê tông:

Cát có mô đun độ lớn khoảng 2 - 3,3 mm (Tương đương mức nhóm cát vừa và to trong bảng 1 của TCVN 7570:2006)

c. Cát dùng để xây trát:

Cát có mô đun độ lớn khoảng 1 - 2.5 mm (Tương đương mức nhóm cát nhỏ và vừa trong bảng 1 của TCVN 7570:2006).

3.2.1.6 Đá dăm các loại

- Tuân theo theo tiêu chuẩn TCVN 7572:2006; có mác xác định theo nén dáp ≥ 400 . Được xay, nghiền, làm sạch bằng dây chuyền sản xuất đá tự động. Nếu không được sạch sẽ phải rửa sạch để thỏa mãn yêu cầu này. Thành phần đá và bụi bám theo đá không được chứa bất kỳ vật liệu nào có phản ứng độc hại với kali trong xi măng.

- Thí nghiệm kiểm tra tuân thủ tiêu chuẩn TCVN 7572:2006.

3.2.1.7 Gạch lát hè

- Sử dụng gạch terrazzo kích thước 400x400x30
- Màu sắc và hoa văn theo yêu cầu của đơn vị trực tiếp sử dụng
- Gạch được sản xuất tại nhà máy trên dây truyền tự động, sản phẩm có đầy đủ chứng chỉ chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn TCVN 7744:2013

4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

4.1. Quy định chung:

- Nhà thầu phải trình cho kỹ sư các biện pháp chi tiết trước khi thực hiện công việc của một hạng mục công trình.

- Nhà thầu thi công phải tuân thủ các tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước về chất lượng cũng như an toàn.

- Nhà thầu phải thi công bằng các biện pháp không gây nguy hại đến các phần đã thi công trước.

4.2. Công tác định vị công trình:

- Trên cơ sở các mốc định vị do Chủ đầu tư và tư vấn thiết kế giao, Nhà thầu cần xác định vị trí và cao độ của công trình và các bộ phận của công trình trên cọc mốc và phải chịu trách nhiệm về độ chính xác của việc định vị này.

4.3. Công tác thi công đất:

- Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công cho công tác đất của công trình đảm bảo tính hợp lý, khả thi và đảm bảo yêu cầu của các tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Nhà thầu tự xác định vị trí đổ đất và phương án vận chuyển phế thải trong khu vực.

- Công tác lấp đầm đất được thực hiện theo TCVN 4447:2012 Công tác đất
- Thi công và nghiệm thu

4.4 Công tác phá dỡ:

- Công tác phá dỡ phải được thực hiện đúng theo phương án đã được duyệt
- Trước khi phá tại các vị trí trên cao, phải chuẩn bị đầy đủ các biện pháp an toàn, che chắn.

- Phải có biện pháp che, rào chắn đảm bảo an ninh cho trạm và không ảnh hưởng đến các hạng mục khác trong trạm
- Các vật tư tháo dỡ cần thu hồi phải được vận chuyển và tập kết gọn gàng vào đúng vị trí do chủ đầu tư yêu cầu.
- Phá dỡ kết cấu mái taluy nhà thầu có thể sử dụng bằng thủ công kết hợp với máy khoan cầm tay, đảm bảo việc phá dỡ không làm ảnh hưởng sang các kết cấu xung quanh.

4.5. Công tác ván khuôn:

- Ván khuôn sau khi lắp đặt phải đảm bảo độ bền vững, không bị chuyển vị trong quá trình đổ bê tông. Các khe giữa các tấm ván khuôn phải đảm bảo kín, khít tránh mất nước bê tông. Ván khuôn phải được quét dầu hoặc làm bão hoà nước trước khi đổ bê tông. Dầu quét lên ván khuôn phải là dầu không có chất làm biến đổi màu hoặc phản ứng có hại cho bê tông.
- Ván khuôn trước khi đổ bê tông phải được dọn dẹp sạch sẽ các vật liệu thừa, phế thải, rác....
- Áp dụng TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu

4.6. Thi công bê tông:

- Các cốt liệu của bê tông trước khi trộn phải sạch sẽ không được lẫn tạp chất. Trước khi vào thi công Nhà thầu phải trình cho Kỹ sư giám sát một số thiết kế cấp phối vữa, bê tông và các tài liệu thí nghiệm để chứng minh. Việc trộn bê tông được thực hiện bằng máy trộn hoặc trạm trộn.
- Nước sử dụng trộn bê tông phải sạch, không có dầu, muối, axit, kali, đường, rác hay bất cứ hợp chất nào có hại cho bê tông hoặc thép.
- Nhà thầu phải có các dụng cụ đong, đo, đếm phù hợp cho các mẻ trộn bê tông khi dùng máy trộn theo cấp phối đã được Tư vấn giám sát chấp thuận.
- Bê tông phải được bảo dưỡng đúng theo quy định
- Áp dụng TCVN 4453:1995 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu

4.7. Công tác xây gạch:

- Các khối xây phải đặc chắc không trùng mạch, theo đúng cấu tạo quy phạm.
- Tường mới xây xong không được va chạm mạnh, đặt vật liệu hay dụng cụ lên trên. Vào mùa hè, mùa hanh khô hoặc tránh bị mưa giông bất thường cần phải được che đậy

4.8. Công tác thi công lát hè:

Phá dỡ gạch tự chèn lát hè cũ và bờ bo mép vỉa hè giáp ranh với khu vực rải đá

- Xây tường bo mép vỉa hè gạch không nung, tường xây cao 33cm
 - San gạt nền, bổ sung 1 lớp cát dày 5cm đầm chặt
 - Rải 1 lớp nilon chống mất nước
 - Đổ bê tông nền mác 100 dày 5cm
 - Lát hè bằng gạch terrazzo 400x400x30 vữa XM mác 75, mạch gạch để rộng khoảng 2cm, sau đó chèn kín mạch bằng XM
 - Cos cao độ lát hè bằng cao độ mặt bó vỉa bê tông
- Tuân thủ TCVN 8819:2011 Bê tông nhựa nóng tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu

4.9. Công tác trát

Mác vữa và chiều phải theo yêu cầu của phương án.

Trát phải phẳng bề mặt, không lồi lõm bằng cách cán bằng thước gỗ hoặc sắt dài tối thiểu 1m.

Trước khi trát bề mặt cấu kiện phải sạch và tưới nước đủ ẩm.

Chiều dày lớp vữa đảm bảo yêu cầu của phương án và đảm bảo yêu cầu TCXD.

Độ sai cho phép là 0,5% theo chiều thẳng đứng và 0,8% theo chiều ngang.

Vệ sinh mặt trát trước khi làm công đoạn tiếp theo.

Lớp vữa trát phải bám dính chắc vào kết cấu, không bị bong rộp. Khi kiểm tra độ bám dính bằng cách gõ nhẹ vào mặt trát, tất cả những chỗ có tiếng bộp phải phá ra trát lại.

Bề mặt trát không có vết rạn chân chim, không có vết lồi lõm, gồ ghề cục bộ hay các khuyết tật khác. Các đường gờ cạnh của tường và kết cấu phải thẳng, sắc nét

5. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Một số yêu cầu chính về công tác quản lý môi trường:

- Chủ động liên hệ với đơn vị quản lý và chính quyền địa phương:
 - +) Xác định đường ra vào khu vực thi công, nơi tập kết vật liệu
 - +) Cấp thoát nước; cấp điện phục vụ thi công công trình
- Có biện pháp giảm thiểu: tiếng ồn; bụi, khói; rung ảnh hưởng đến công tác vận hành của Trạm
- Nhà thầu có bản cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm về phương án đưa ra (kể cả khi phương án nêu ra đã được BMT chấp thuận) và bồi thường mọi thiệt hại cho các bên liên quan nếu để xảy ra sự cố được xác định do lỗi Nhà thầu.

6. Yêu cầu về an toàn lao động:

Nhà thầu khi dự thầu phải lập biện pháp an toàn chi tiết gồm:

- Các thiết bị, máy móc sử dụng phải được kiểm định theo quy định, có đủ lý lịch máy và được cấp giấy phép sử dụng theo quy phạm, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và an toàn vận hành. Vị trí tập kết máy xây dựng, đường đi lại của máy thi công phải theo đúng khoảng cách an toàn qui định trong qui phạm về kỹ thuật an toàn xây dựng.

- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động. Toàn bộ công nhân làm việc trên công trường được học nội quy an toàn lao động và được Chủ đầu tư hướng dẫn về quy định làm việc trong Trạm.

- Khi làm việc phải sử dụng bảo hộ như mũ, quần áo, giày bảo hộ lao động và đeo kính bảo vệ khi cần thiết. Khi làm việc có chênh lệch về độ cao từ 2m trở lên hoặc chưa đến độ cao đó nhưng dưới chỗ làm việc có các vật chướng ngại nguy hiểm thì phải trang bị dây an toàn cho công nhân hoặc lưới bảo vệ nếu không làm được sàn thao tác có lan can an toàn.

- Chấp hành nghiêm chỉnh chế độ kiểm tra định kỳ về công tác bảo hộ và an toàn lao động, phải mua bảo hiểm và đăng ký tạm trú đầy đủ theo quy định pháp luật.

- Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công

7. Các yêu cầu về giải pháp, biện pháp, trình tự thi công, lắp đặt.

Cung cấp các bản vẽ biện pháp kỹ thuật thi công các công việc trong đó thể hiện rõ các chi tiết đặc biệt.

Bản thuyết minh, trong đó nêu rõ: Các biện pháp thi công được lựa chọn, đặc biệt chú ý đến các biện pháp thi công thích hợp với các mùa trong năm (nóng, lạnh, mưa, bão...); Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động; Mặt bằng thi công; Sơ đồ công nghệ thi công các công việc chủ yếu.

Phụ lục yêu cầu kỹ thuật vật tư chính

STT	Tên và qui cách	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu
1	Xi măng	TCVN: 2682-2020 hoặc TCVN: 6260-2020	Có nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất, cam kết cấp hàng
2	Cát xây dựng	TCVN 7570:2006	Có nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất, cam kết cấp hàng
3	Đá dăm	TCVN 7570:2006	Có nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất, cam kết cấp hàng

STT	Tên và qui cách	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu
4	Đá hộc	R>300 kg/cm ²	Có nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất, cam kết cấp hàng
5	Gạch terrazzo	TCVN 7744: 2013	Có nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất, cam kết cấp hàng
6	Gạch ốp	TCVN 6415-2016	Có nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất, cam kết cấp hàng

IV. Các bản vẽ (Theo file đính kèm)